

Bản án số: 166/2024/HC-PT

Ngày: 03-5-2024

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành chính*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lê Tự

Các Thẩm phán: ông Võ Ngọc Thông

ông Phạm Tôn

- Thư ký phiên tòa: bà Đinh Thị Trang - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Bùi Ngô Ý Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum, mở phiên tòa trực tuyến xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 321/2023/TLPT-HC ngày 21 tháng 11 năm 2023 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2023/HC-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum bị kháng cáo.

Giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: ông Hoàng Văn Đ; địa chỉ: thôn M, xã B, huyện N, tỉnh Kon Tum.

- Người bị kiện: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn L – Giám đốc.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: ông Trịnh Ngọc H – Phó Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh K.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum.

2. Bà Ninh Thị X;

3. Ông Tống Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị Tuyết H1;

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã B, huyện N, tỉnh Kon Tum.

4. Ông Thao Đ2 và bà Y C; Cùng địa chỉ: thôn T, xã B, huyện N, tỉnh Kon Tum.

Người kháng cáo: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thao Đ2 và bà Y C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Người khởi kiện ông Hoàng Văn Đ trình bày:

Ngày 19/12/2002 ông Đ được UBND huyện N cấp GCNQSDĐ thửa đất số 22, tờ bản đồ số 37, diện tích 5.221m² tại thôn T, xã B, huyện N. Nguồn gốc do khai hoang, sau năm 2002 có trồng cây ăn trái nhưng bị chết, năm 2008 trồng lại nhưng ông đi chữa bệnh nên không quản lý. Năm 2011, thấy ông Thao Đ2 phát dọn để cây cao su con trên đất vì ông Đ2 xin để nhờ, đến năm 2021 ông phát hiện ông Đ2 đã trồng cây cao su trên đất nên tháng 6/9/2022 ông làm khiếu kiện việc ông Đ2 đã có GCNQSDĐ chồng lên đất của ông và đã chuyển nhượng cho ông Tống Văn Đ1, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K cấp GCNQSDĐ diện tích 18.607,3m² (thửa đất số 420, diện tích 13.858,1m² đất tranh chấp; thửa đất số 421, diện tích 4.749,21m²). Nay yêu cầu hủy một phần diện tích 4.389 m² đất, thửa số 420, GCNQSDĐ cấp ngày 29/4/2022 cấp cho ông Đ1 và bà H1 để công nhận cho ông theo kết quả đo đạc thực tế.

1. Người bị kiện Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K trình bày:

Không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Đ. Về nguồn gốc đất: Ngày 17/02/2016, ông Thao Đ2 và vợ là bà Y C được Ủy ban nhân dân huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 157079, thửa đất số 02, tờ bản đồ số 47 với diện tích 18.607,3m² (đất trồng cây lâu năm 13.858,1m² và đất nuôi trồng thủy sản 4.749,2m²). Tháng 5/2022 ông Thao Đ2 và bà Y C chuyển nhượng toàn bộ cho ông Tống Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị Tuyết H1 theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân xã P chứng thực ngày 25/4/2022. Sau khi người sử dụng đất hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện N hoàn thiện hồ sơ trình Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ1 và bà H1, thửa đất số 420, diện tích 13.858,1m² và thửa đất số 421, tờ bản đồ số 47 diện tích 4.749,21m². Mặt khác, tại thời điểm giải quyết thủ tục hành chính cho ông Đ1 và bà Tuyết H1, không phát sinh tranh chấp về đất đai, đồng thời việc cấp này không làm thay đổi hình thể, kích thước, diện tích và vị trí của thửa đất so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện N cấp ngày 17/02/2016 nên đúng theo quy định của pháp luật.

1. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- UBND huyện N trình bày:

Việc cấp giấy chứng nhận và chuyển nhượng thửa đất thống nhất với trình bày của người bị kiện. Nguồn gốc đất cấp GCNQSDĐ cho ông T Đoàn năm 2016 là do diện tích đất này tại thời điểm làm thủ tục cấp, gia đình ông Thao Đ2 đã trồng cây cao su và đang khai thác mủ, sử dụng ổn định, không có tranh chấp, các thủ tục UBND xã P thực hiện đầy đủ, đúng quy định phòng Tài nguyên tham mưu nên UBND huyện cấp bìa là đúng quy định.

Đôi với vị trí đất đã được cấp GCNQSDĐ của hộ ông Hoàng Văn Đ tại thửa đất số 22, tờ bản đồ số 37, diện tích 5.221m², đất trồng cây lâu năm thuộc GCNQSD đất số W112432 đã được UBND huyện N cấp ngày 19/12/2002. Từ khi được cấp GCNQSDĐ, hộ ông Hoàng Văn Đ không sử dụng đất liên tục. Đồng thời, năm 2002 đo đạc cấp GCNQSD là đo đạc giải thửa, giả định, không có tọa độ. Không có điểm mốc cố định để kiểm tra, đối chiếu nên không xác định được vị trí đất ngoài thực địa.

- *Ý kiến của Bà Ninh Thị X:* Thống nhất lời trình bày của người khởi kiện.
- *Ý kiến của ông Tống Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị Tuyết H1:*

Năm 2022 gia đình tôi có nhận chuyển nhượng của ông Thao Đ2 và bà Y C một thửa đất vườn với diện tích 13.858,1m² và 01 ao cá diện tích 4.749,2 m² đã có GCNQSDĐ, tại thời điểm nhận chuyển nhượng đất của ông Thao Đ2 và bà Y C đã trồng cây cao su từ lâu và khai thác mủ, trước khi nhận chuyển nhượng tôi biết rõ hộ ông Thao Đ2 sử dụng ổn định, không tranh chấp với ai. Do đó, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

- *Ý kiến của Ông Thao Đ2 và bà Y C:*

Đất tranh chấp có nguồn gốc do bố mẹ tôi khai hoang từ năm 1986 lúc đầu gia đình canh tác trồng lúa và mì. Năm 1999 đất trồng mì chuyển sang trồng cao su hạt theo dự án nhưng cây không phát triển, năm 2011 trồng lại cây cao su bầu cho đến nay. Năm 2016 tôi được cấp diện tích 18.607,3m² đất theo GCNQSDĐ, năm 2022 tôi chuyển nhượng toàn bộ cho ông Tống Văn Đ1, với giá 700.000.000 đồng.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2023/HC-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum quyết định:

Căn cứ Điều 3; Điều 30; Điều 32; khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 357, 358, 359 Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Điều 101; điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn Đ.

1. Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT157079, số vào sổ 00994 thửa đất số 420 tờ bản đồ số 47 diện tích 13.858,1 m² do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K cấp cho ông Tống Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị Tuyết H1 ngày 29/4/2022.

2. Công nhận ông Hoàng Văn Đ được quyền sử dụng diện tích 4.389 m² đất nằm trong diện tích 18.607,3m² đất của ông Đ1, vị trí tại: Thôn T, xã B, huyện N, tỉnh Kon Tum, có tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp đất ông Đ1 159,1m.
- Phía Tây giáp đất ông Đ1 các cạnh dài 34,5m; 31,7m; 36,9m; 47,9 m
- Phía Nam giáp đất ông Đ1 dài 43,5m
- Phía Bắc giáp đất ông Đ1 dài 5,9m.

3. Ông Tống Văn Đ1 có quyền khởi kiện ông Hoàng Văn Đ để yêu cầu bồi thường thiệt hại toàn bộ số lượng cây cao su trên diện tích 4.389 m² đất công nhận cho ông Đ bằng một vụ án dân sự khác.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Kháng cáo

Ngày 12/10/2023, ông Thao Đ2, bà Y C nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

Tại Sổ mục kê ngày 15/10/2002 ông Hoàng Văn Đĩnh có tên đăng ký thửa đất 22, tờ bản đồ số 37, với diện tích 5.221m². Ngày 19/12/2002, UBND huyện N cấp Giấy CNQSD đất hộ ông Hoàng Văn Đ tại thửa đất số 22, tờ bản đồ số 37, với diện tích 5.221m² đất trồng cây lâu năm.

Đối với thửa đất số 420, tờ bản đồ số 47 diện tích 13.858,1m² do ông Tống Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị Tuyết H1 nhận chuyển nhượng của ông Thao Đ2, bà Y C năm 2022. *(tại thời điểm nhận chuyển nhượng ông Thao Đ2 và bà Y C đã được cấp GCNQSDĐ BT157079 diện tích 18.607,3m² ngày 17/2/2016, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận).*

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/8/2023, toàn bộ diện tích tranh chấp chỉ có 4.389m² cấp cho ông Đ năm 2002 nằm trong thửa đất số 420 tờ bản đồ số 47 diện tích 13.858,1m² GCNQSDĐ số ĐĐ 186453 cấp ngày 29/4/2022 cấp cho ông Tống Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị T1 (trước đó là diện tích 18.607,3m², thửa đất 02 tờ bản đồ số 47 GCNQSDĐ số BT 157079 do UBND huyện N cấp cho ông Thao Đ2 và bà Y C ngày 17/02/2016). Do đó, có cơ sở khẳng định việc cấp GCNQSDĐ cho ông Đ2 đã chồng lên diện tích đất của ông Đ.

Theo lời khai của ông Đ và ý kiến của UBND huyện N là cơ quan cấp GCNQSDĐ cho ông Hoàng Văn Đ là đúng theo quy định tại Điều 36 Luật đất đai năm 1993, ông Đ thừa nhận khi được Ủy ban nhân dân huyện N cấp GCNQSDĐ năm 2002 ông không sử dụng đất liên tục, tuy nhiên UBND không có quyết định thu hồi.

Do đó, HĐXX sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn Đ, hủy một phần GCNQSDĐ số ĐĐ 186453, thửa đất số 420 tờ bản đồ số 47 diện tích 13.858,1m² do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K cấp cho ông Tống Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị Tuyết H1 ngày 29/4/2022 là có căn cứ. Đơn kháng cáo của ông Thao Đ2 và bà Y C không có cơ sở để chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về nguồn gốc sử dụng đất:

Đối với thửa đất của ông Hoàng Văn Đ: năm 2002 UBND huyện N lập phương án đo đạc bản đồ giải thửa, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính để cấp GCNQSDĐ cho 04 xã; trong đó có hộ ông Đ được cấp diện tích 5.221m², mục đích trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 22, tờ bản đồ số 37, xã B. Cùng thời điểm này, theo hồ sơ cấp đất năm 2002, ông Thao Đ2 được cấp thửa đất số 23, tờ bản đồ số 37, xã B, diện tích 7.320m², mục đích đất trồng lúa; giữa hai thửa đất số 22 và số 23 là khoảng đất trống.

[2] Đối với thửa đất của ông Đ1, bà H1 đang sử dụng:

Thửa đất số 420 tờ bản đồ số 47 diện tích 13.858,1m² hiện ông Đ1 đang quản lý sử dụng có nguồn gốc do ông Đ1 nhận chuyển nhượng của ông Đ2 vào năm 2022. Căn cứ hồ sơ cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất 420, diện tích 13.858,1m² và thửa số 421, diện tích 4.749,21m² thuộc tờ bản đồ số 47 của ông Đ1 và lời khai của ông Thao Đ2: nguồn gốc đất do ông Thao Đ2 khai hoang từ năm 1988, gia đình canh tác trồng lúa và mì đến năm 2011, trồng cao su, năm 2016 được cấp GCNQSDĐ, diện tích 18.607,3m² gia đình ông trực tiếp sử dụng ổn định, khai thác cao su; đến năm 2022 ông Thao Đ2 chuyển nhượng toàn bộ thửa đất trên cho vợ chồng ông Đ1, bà H1.

[3] Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và Sơ đồ trích lục thửa đất ngày 15/8/2023 của Tòa án cấp sơ thẩm, diện tích 4.389 m² tranh chấp nằm trong diện tích 18.607,3m² đất của ông Đ1, có tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp đất ông Đ1 159,1m.
- Phía Tây giáp đất ông Đ1 các cạnh dài 34,5m; 31,7m; 36,9m; 47,9 m
- Phía Nam giáp đất ông Đ1 dài 43,5m
- Phía Bắc giáp đất ông Đ1 dài 5,9m.

[4] Toàn bộ diện tích đất tranh chấp 4.389 m² nằm trong thửa đất số 420, tờ bản đồ số 47, diện tích 13.858,1m², Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số ĐĐ 186453 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K cấp ngày 29/4/2022 cho ông Tống Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị Tuyết H1, trước đây là thửa đất số 02 tờ bản đồ số 47, diện tích 18.607,3m² thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 157079 do UBND huyện N cấp cho ông Thao Đ2 và bà Y C ngày 17/02/2016.

[5] Mặc dù Ủy ban nhân dân huyện N cho rằng hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Thao Đ2, bà Y C là đúng trình tự qui định tại Điều 20 Nghị định 143/NĐ-CP nhưng theo hồ sơ cấp đất năm 2002, ông Đ được cấp thửa

đất số 22, diện tích 5.221m² còn ông Thao Đ2 được cấp thửa đất số 23, diện tích 7.320m², giữa hai thửa đất là khoảng đất trống; căn cứ Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và Sơ đồ trích lục thửa đất ngày 15/8/2023 thấy rằng: diện tích 4.389 m² tranh chấp của ông Đ đã được UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19/12/2002 nằm trong diện tích 18.607,3 m² thửa đất số 2, tờ bản đồ số 47, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 157079 do UBND huyện N cấp cho ông Thao Đ2 và bà Y C ngày 17/02/2016.

[6] Về quá trình quản lý, sử dụng đất tranh chấp:

Ông Đ cho rằng sau khi ông được cấp GCNQSDĐ năm 2002 ông có trồng cây ăn trái nhưng không phát triển, năm 2008 trồng lại; sau đó đến năm 2011, ông Đ2 xin để nhờ cây cao su. Như vậy, từ khi được cấp đất năm 2002, ông Đ không sử dụng đất liên tục nhưng UBND huyện N không có quyết định thu hồi.

[7] Ông Thao Đ2 cho rằng toàn bộ diện tích đất tranh chấp do ông khai hoang từ năm 1986 ông trồng lúa và mì, từ năm 2011 đến nay ông trồng cây cao su, sử dụng ổn định và khai thác mù cho đến nay. Tuy nhiên, các tài liệu hồ sơ cấp đất thể hiện: năm 2002 ông Đ2 được cấp thửa đất số 23, tờ bản đồ số 37, diện tích 7.320m²; đến năm 2016 cũng tại vị trí này ông Đ2 được cấp thửa đất số 02 tờ bản đồ số 47, diện tích 18.607,3m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 157079 do UBND huyện N cấp ngày 17/02/2016, trong đó diện tích 13.858,1m² đất trồng cây lâu năm, 4749,1m² đất nuôi trồng thủy sản và thửa đất số 22 của ông Đ được cấp năm 2002 không còn.

[8] Từ những phân tích trên có cơ sở xác định việc UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 157079 cho ông Thao Đ2 và bà Y C ngày 17/02/2016 là cấp chồng lên đất của ông Đ diện tích được xác định là 4.389 m², dẫn đến việc cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 157079 đối với thửa đất số 420, tờ bản đồ số 47, diện tích 13.858,1m² cho ông Đ1, bà H1 là không đúng quy định pháp luật.

[9] Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ là có cơ sở, tuyên hủy một phần GCNQSDĐ số ĐĐ 186453, thửa đất số 420 tờ bản đồ số 47, diện tích 13.858,1m² do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K cấp cho ông Tống Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị Tuyết H1 ngày 29/4/2022 là có căn cứ.

[10] Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên công nhận ông Đ được quyền sử dụng diện tích 4.389 m² đất nằm trong diện tích 18.607,3m² đất của ông Đ1, vị trí tại: thôn T, xã B, huyện N, tỉnh Kon Tum là không đúng qui định tại điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính, theo đó trong vụ án hành chính Tòa án không có quyền quyết định công nhận đương sự được quyền sử dụng đất đối với một thửa đất cụ thể. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với một thửa đất cụ thể do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định pháp luật về đất đai.

[11] Tranh chấp về bồi thường thiệt hại số lượng cây cao su trên phần đất diện tích 4.389 m² và tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng đất giữa ông Thao

Đ2, bà Y C với ông Đ1, bà H1 sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác, nếu các bên có yêu cầu.

[12] Ông Thao Đ2 và bà Y C là người cao tuổi được miễn án phí phúc thẩm.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

1. Bác kháng cáo của ông Thao Đ2 và bà Y C;

Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2023/HC-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn Đ.

Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 186453, số vào sổ CS01974 ngày 29/4/2022 đối với thửa đất số 420, tờ bản đồ số 47, diện tích 13.858,1 m² do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K cấp cho ông Tống Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị Tuyết H1.

2. Án phí hành chính sơ thẩm:

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K phải chịu 300.000đ.

Hoàn trả ông Hoàng Văn Đ3 300.000đ tiền án phí hành chính sơ thẩm đã nộp tại biên lai số 0000051 ngày 08/6/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum.

3. Án phí hành chính phúc thẩm:

Ông Thao Đ2 và bà Y C được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- Cục THADS tỉnh Kon Tum;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Tụ